

Số: 1709/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng  
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công chứng 26 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá năm 2023;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của  
trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng  
hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về đặc điểm về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của  
dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1027/TTr-STP ngày 20  
tháng 6 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến  
việc công chứng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

*(Có bảng định giá tối đa ban hành kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh căn cứ vào mức  
giá quy định tại Điều 1 của Quyết định này để xác định mức giá đối với từng  
loại dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng của tổ chức mình và  
niêm yết công khai các mức giá dịch vụ tại trụ sở của mình để thực hiện nhưng

không được vượt quá mức giá tối đa được quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Hội Công chứng viên tỉnh Lai Châu; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: V, CB;
- Lưu: VT, Th8.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Thanh Hải**

**BẢNG ĐỊNH GIÁ TỐI ĐA**  
**ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG**  
**CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số     /QĐ-UBND ngày     tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

| Số TT    | Tên dịch vụ                                                                                                                                                        | Mức giá tối đa<br>(Đơn vị tính: đồng) |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH</b>                                                                                                                               |                                       |
| 1        | Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư kinh doanh                                                                                                                    | 260.000 đồng/văn bản                  |
| 2        | Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất                  | 240.000 đồng/văn bản                  |
| 3        | Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp                                                                                                                  | 220.000 đồng/văn bản                  |
| 4        | Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà, thuê, thuê lại tài sản                                                                                                  | 240.000 đồng/văn bản                  |
| 5        | Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác                                                                                                 | 180.000 đồng/văn bản                  |
| 6        | Hợp đồng vay tiền                                                                                                                                                  | 190.000 đồng/văn bản                  |
| 7        | Di chúc                                                                                                                                                            | 220.000 đồng/văn bản                  |
| 8        | Hợp đồng ủy quyền                                                                                                                                                  | 150.000/văn bản                       |
| 9        | Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản                                                                                                      | 250.000 đồng/văn bản                  |
| 10       | Văn bản từ chối nhận di sản                                                                                                                                        | 140.000 đồng/văn bản                  |
| 11       | Văn bản phân chia tài sản chung của vợ chồng, xác định tài sản riêng của vợ chồng, nhập tài sản riêng vào tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản theo thỏa thuận | 200.000 đồng/văn bản                  |

|            |                                          |                      |
|------------|------------------------------------------|----------------------|
| 12         | Giấy ủy quyền                            | 60.000 đồng/văn bản  |
| 13         | Hợp đồng, giao dịch khác                 | 150.000 đồng/văn bản |
| <b>II</b>  | <b>ĐÁNH MÁY VÀ IN VĂN BẢN</b>            | 7.000 đồng/trang A4  |
| <b>III</b> | <b>SAO CHỤP GIẤY TỜ, VĂN BẢN</b>         |                      |
| 1          | Trang A4                                 | 1.000 đồng/trang     |
| 2          | Trang A3                                 | 1.500 đồng/trang     |
| <b>IV</b>  | <b>DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN</b>             |                      |
| 1          | Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài | 150.000 đồng/trang   |
| 2          | Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt | 150.000 đồng/trang   |